

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 41/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam; số 1725/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 ủy quyền cho các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố giải quyết thủ tục hành chính;

Xét Công văn số 689/CV-CHKCL ngày 04/6/2024 của Cảng hàng không Chu Lai – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP về việc giải trình hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Nhà ga hành khách, sân đỗ ô tô - Cảng hàng không Chu Lai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 52/TTr-CCBVMT ngày 03/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Cảng hàng không Chu Lai – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà ga hành khách, sân đỗ ô tô - Cảng hàng không Chu Lai tại xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà ga hành khách, sân đỗ ô tô - Cảng hàng không Chu Lai.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

1.3. Mã số thuế: 0311638525-009.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích đất của dự án: 44.447,1 m²

- Quy mô dự án: Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Phục vụ cho 600 hành khách/giờ cao điểm, 1.200.000 hành khách/năm

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Cảng hàng không Chu Lai – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Cảng hàng không Chu Lai – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình thu gom, xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giấy phép môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án./.

Nơi nhận:

- Cảng hàng không Chu Lai – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- UBND huyện Núi Thành;
- Phòng TN&MT huyện Núi Thành;
- Cổng thông tin điện tử của Sở TN&MT;
- Lưu: VT, website, BVMT.

GIÁM ĐỐC



Bùi Ngọc Ảnh



Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 230/GPMT-STNMT ngày 05/7/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên, hành khách, người nhà hành khách tại sân ga.
- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ các cửa hàng ăn uống quán nước trong nhà ga.
- Đối với nước thải phát sinh trên tàu bay được lưu giữ và xử lý khi tàu bay đỗ tại Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất hoặc Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, tại Cảng Hàng không Chu Lai không phát sinh xử lý nguồn nước thải sinh hoạt này.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: dòng nước thải sau xử lý tự chảy theo mương hộp (B = 40 cm) sau đó theo đường ống uPVC D110 đổ vào mương thoát nước hiện trạng của khu vực thuộc địa phận xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1) trước khi thoát ra mương thoát nước hiện trạng khu vực xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X (m) = 1704737; Y (m) = 602309.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $120 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: gián đoạn trong ngày; thời gian xả liên tục trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải

Thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sau khi xử lý phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	mg/l	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Hệ thống thu gom và thoát nước thải được thiết kế tách biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục trong quá trình hoạt động

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom trực tiếp về hệ thống xử lý nước thải bằng đường uPVC D200 không qua xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại.

- Nước thải từ nhà hàng, quán ăn được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ, song chắn rác sau đó theo đường ống uPVC D200 đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tổng chiều dài đường ống thu gom nước thải là 276 m, trên đường ống thu gom nước thải bố trí 08 hố ga (R x L x C = 1,4 m x 1,4 m x 1 m) để lắng cặn trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Bố trí một bể tách dầu mỡ dạng bồn inox thể tích 0,3 m³ để xử lý sơ bộ nước thải từ nhà ăn.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải có công suất 120 m³/ngày.đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải ④ Hồ ga kết hợp song chắn rác ④ Bể điều hòa ④ Bể lọc kỵ khí ④ Bể thiếu khí ④ Bể hiếu khí MBBR ④ Bể lắng ④ Bể khử trùng ④ Hồ ga kiểm tra ④ Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,0) theo mương hợp tự chảy vào ống thoát nước thải sau đó đổ vào mương thoát nước hiện trạng tại khu vực.

- Công suất thiết kế: 120 m³/ngày.đêm

- Hóa chất sử dụng: Vi sinh Bioclean ACF32, Chlorine, mật rỉ đường, phân DAP, NaOH, Bioclean AFC Nitro Activator.

- Bùn phát sinh từ bể lắng của hệ thống xử lý nước thải được đưa về bể chứa bùn để lưu giữ, khi phát sinh đủ khối lượng hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí công nhân có kinh nghiệm thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra.

- Các loại máy móc như: máy thổi khí, máy bơm nước, máy bơm định lượng hóa chất... đều bố trí từ 02 thiết bị để chạy luân phiên và dự phòng cho nhau nhằm kịp thời xử lý khi gặp phải sự cố.

- Trong quá trình vận hành, thường xuyên theo dõi và cập nhật hoạt động xử lý của hệ thống vào sổ nhật ký vận hành.

- Trong trường hợp sự cố xảy ra từ hệ thống XLNT không xử lý và khắc phục ngay được thì phải dừng ngay các hoạt động tiếp nhận nước thải vào trạm xử lý, khi đó nước thải được dẫn về lưu trữ tạm thời tại bể điều hòa, sau đó nước thải được tiếp tục quá trình xử lý như ban đầu.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến tháng 9 năm 2025

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại hồ ga kiểm tra (chứa nước thải sau xử lý) có tọa độ (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45', vĩ tuyến 3⁰): X (m) = 1704890; Y (m) = 602248.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ Dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế, quy trình nêu trong hồ sơ, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi thông số nước thải không đạt yêu cầu theo quy định và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

3.4. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu thông tin về hoạt động xả nước thải vào nguồn nước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước do hoạt động xả nước thải vào nguồn nước của Dự án gây ra.

3.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam, UBND huyện Núi Thành, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Núi Thành và các cơ quan chức năng có liên quan. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới số lượng, chất lượng nguồn nước và môi trường do việc xả nước thải gây ra.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 230/GPMT-STNMT ngày 05/7/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Giải pháp đối với bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông

- Bê tông hóa đường giao thông nội bộ và cổng ra vào nhà ga.
- Xây dựng nội quy đậu đỗ xe, bố trí nhân viên hướng dẫn xe ra vào, tránh gây ách tắc giao thông làm ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực, xe ra vào khu vực Cảng hàng không yêu cầu tốc độ chậm, tắt máy khi ngừng đỗ xe.
- Bố trí khu vực bãi đỗ xe cho nhân viên riêng biệt với bãi đỗ xe cho hành khách, bố trí bãi đỗ xe ô tô riêng với bãi đỗ xe máy.
- Bố trí nhân viên quét dọn hằng ngày và tưới nước giảm bụi vào những ngày nắng nóng kéo dài. Các loại phương tiện giao thông ra vào Cảng hàng không được yêu cầu giảm tốc độ, tắt máy khi ngừng đỗ xe.

2. Giải pháp đối với khí thải từ máy phát điện dự phòng

- Máy phát điện được bố trí trong khu vực phòng kín, cách âm, cách nhiệt.
- Vận hành máy phát điện đúng quy trình để đốt cháy nhiên liệu hoàn toàn làm giảm thải lượng chất ô nhiễm và chỉ sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn dầu mỡ và định kỳ bảo dưỡng theo quy định của nhà sản xuất.
- Máy phát điện tại Cảng hàng không được bố trí lắp đặt ống khói có đường kính 30 cm và 20 cm, H = 6 m để thoát khí thải ra bên ngoài.

3. Giải pháp đối với mùi hôi từ các cửa hàng ăn uống, dịch vụ tại nhà ga, hệ thống xử lý nước thải và khu vực tập kết rác thải

- Vệ sinh sạch sẽ khu vực cửa hàng ăn uống mỗi ngày; Thu gom, tập kết rác về điểm tập kết sau mỗi ngày hoạt động.
- Đậy kín nắp đậy các công trình xử lý nước thải; Thường xuyên theo dõi vận hành hệ thống XLNT, bổ sung thêm nguồn dinh dưỡng cho vi sinh vật.
- Các loại hóa chất xử lý nước thải được lưu trữ ở kho thông thoáng, có mái che.

Phụ lục III

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 230/GPMT-STNMT ngày 05/7/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

Trong quá trình hoạt động của dự án phát sinh các loại CTNH như sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	80
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	18
3	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	Rắn	08 02 04	10
4	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Rắn/Lỏng	08 02 01	17
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	70
6	Xăng dầu thải	Lỏng	17 06 02	100
7	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	30
Tổng khối lượng (năm)				325

1.2. Khối lượng chất thải rắn (CTR) sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn hoạt động:

CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của hành khách, người nhà hành khách, cán bộ nhân viên phục vụ Cảng hàng không và các cửa hàng, quán nước trong sân ga gồm giấy vụn, bao ni lông, chai lọ nhựa, thủy tinh, thực phẩm thừa, kim loại, ... có tổng khối lượng phát sinh ước tính khoảng 1.500 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- CTNH dạng rắn (chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại, hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải, ...) được thu gom vào các túi nilong buộc kín miệng, sau đó đưa vào thùng HDPE nguyên sinh cao cấp (loại thùng dung tích 240 lít, 360 lít), có nắp đậy, có dán nhãn phân loại theo quy định, đặt trong kho chứa CTNH để lưu chứa.

- CTNH dạng lỏng (dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, mực in thải, xăng dầu thải và những chất thải nhiễm dầu) được thu gom vào các can, thùng chuyên dụng có nắp đậy kín sau đó đưa vào thùng nhựa HDPE nguyên sinh cao cấp (loại thùng dung tích 240 lít), có nắp đậy, có dán nhãn phân loại theo quy định, đặt trong kho chứa CTNH để lưu chứa.

2.1.2. Kho lưu giữ CTNH

- Diện tích 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ CTNH có mái lợp tôn, tường xây bằng gạch. Nền tráng xi măng, có khóa an toàn, có gắn bảng tên, biển hiệu nhận biết, cảnh báo đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Chất thải nguy hại sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 16 thùng chứa rác, gồm: 10 thùng thể tích 60 lít, 4 thùng thể tích 120 lít, 02 thùng thể tích 240 lít.

- Khu vực tập kết lưu giữ chất thải rắn thông thường tại Cảng hàng không có diện tích 15 m² được xây tường gạch bao xung quanh, nền bằng bê tông xi măng, có cửa kéo ra vào, không có mái che (thùng chứa CTR phải có nắp đậy).

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Phụ lục IV

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 230/GPMT-STNMT ngày 05/7/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy bơm, máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng có tọa độ (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X(m)=1705060; Y(m)=602138.
- Nguồn số 02: Tại khu vực đặt máy bơm, máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải có tọa độ (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X(m)=1704925; Y(m)=602231.

3. Giá trị giới hạn

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2012/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Ghi chú
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực cảng hàng không và các khu vực lân cận tiếp giáp khu dân cư.
- Tuyến đường ra vào nhà ga hành khách cần được bảo dưỡng ở điều kiện tốt nhất, các vết nứt và sửa chữa thường xuyên nhằm hạn chế tối đa độ rung.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho những nhân viên làm việc trong khu vực nhằm hạn chế tối đa tác hại của tiếng ồn.

- Lắp đặt hệ thống kính cách âm cho khu vực nhà điều hành và các khu vực hành khách, giúp giảm phần lớn tiếng ồn do hoạt động của máy bay.

- Đặt máy phát điện xa khu vực nhà ga hành khách, cũng như các khu vực đông người qua lại để hạn chế tiếng ồn. Bảo trì bảo dưỡng máy phát điện định kỳ. Chân đế, bệ máy được gia cố bằng bê tông chịu lực cao và lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su.

- Đối với tiếng ồn do phương tiện lưu thông, vận chuyển ra vào Dự án, thực hiện phân luồng giao thông, phân luồng các bãi đỗ xe hợp lý

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 230/GPMT-STNMT ngày 05/7/2024
của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Yêu cầu về biện pháp giảm thiểu đối với ảnh hưởng của nước mưa

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được thiết kế tách biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải, cụ thể:

- Nước mưa từ mái các khối công trình được tập trung về quả cầu chặn rác, phễu thu nước mái, sau đó theo đường ống PVC D100 tự chảy vào hệ thống thoát nước mưa chung của Dự án.

- Hệ thống thoát nước mưa của Dự án là các mương bê tông có bề rộng $B=70\text{cm}$, có tổng chiều dài 635 mét (mương có nắp đan dài 330 mét và mương hở 305 mét) được xây ngầm dưới đất.

- Nước mưa theo mương $B = 70\text{ cm}$ đổ vào mương thoát nước hiện trạng tại khu vực xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Tọa độ vị trí xả nước mưa: (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): $X\text{ (m)} = 1704742$; $Y\text{ (m)} = 602310$.

2. Một số yêu cầu khác

Chủ dự án có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện các thủ tục đất đai, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật hiện hành trước khi đi vào vận hành chính thức; tuân thủ quy định của Luật Đất đai.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện đúng quy định về an toàn bức xạ trong quá trình hoạt động tại Dự án.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực về lao động, giao thông, thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

- Trong quá trình triển khai các hoạt động trong quản lý, vận hành, sử dụng dự án phải đảm bảo các nội dung tại Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Chủ Dự án chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp lệ của các số liệu, văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án.

- Chủ Dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./